TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THANH CHƯƠNG** **TỈNH NGHỆ AN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 18/01/2022
V/v tranh chấp: " Hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH CHƯƠNG, TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có;

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông **Nguyễn Trọng Sơn.**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Xuân Ngân và ông Nguyễn Doãn Ước

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Bá Anh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Chương tham gia phiên tòa: Bà; Trần Thùy Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 133/2021/TLST-HNGĐ ngày 17/12/2021, về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2022/QĐXX-ST, ngày 04/01/2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà; Nguyễn Thị X, sinh năm 1972. Nơi đăng ký nhân khẩu: Thôn 6, xã PT, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An. Chỗ ở hiên nay: Thôn Mỹ Hương, xã TM, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An. Có mặt

2. *Bị đơn:* Ông; Nguyễn Văn C, sinh năm 1972. Địa chỉ: Thôn 6, xã PT, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn xin ly hôn, bản tự khai và lời trình bày tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị X, trình bày như sau:

- Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị X và ông Nguyễn Văn C kết hôn với nhau vào ngày 15 tháng 5 năm 1997, trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đà Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến đầu năm 2015 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn;

nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp, chồng hay đánh đập vợ con. Nay bà Nguyễn Thị X xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa, nguyện vọng được ly hôn ông Nguyễn Văn C.

- Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là Nguyễn Văn Q, sinh ngày 04/9/2000; Nguyễn Thị H, sinh ngày 16/8/2002 và Nguyễn Văn N, sinh ngày 16/4/2007. Nếu vợ chồng ly hôn, các cháu Nguyễn Văn Q và Nguyễn Thị H đã trưởng thành, phát triển bình thường bà Nguyễn Thị X không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bà Nguyễn Thị X có nguyện vọng chăm sóc nuôi dưỡng cháu Nguyễn Văn N và không yêu cầu ông Nguyễn Văn C cấp dưỡng nuôi con.

- Về chia tài sản chung và nợ: Bà Nguyễn Thị X không yêu cầu Tòa án giải quyết về chia tài sản chung và nợ.

Ngoài các ý kiến trên bà Nguyễn Thị X không có thêm bất cứ ý kiến hay yêu cầu gì thêm.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cũng đã triệu tập để công khai chứng cứ và hòa giải, song do ông Nguyễn Văn C vắng mặt, cho nên không thực hiện được việc công khai chứng cứ và hòa giải. Tại đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn ông Nguyễn Văn C trình bày như sau:

- Về hôn nhân: Ông Nguyễn Văn C kết hôn với bà Nguyễn Thị X vào ngày 15 tháng 5 năm 1997, trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đà Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An, nơi quê của bà Nguyễn Thị X trước đây. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến đầu năm 2015 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn; nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp. Nay bà Nguyễn Thị X làm đơn xin ly hôn, ông xét thấy tình cảm vợ chồng cũng không còn nữa, nên đồng ý ly hôn bà Nguyễn Thị X.

- Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là Nguyễn Văn Q, sinh ngày 04/9/2000; Nguyễn Thị H, sinh ngày 16/8/2002 và Nguyễn Văn N, sinh ngày 16/4/2007. Nếu vợ chồng ly hôn, các cháu Nguyễn Văn Q và Nguyễn Thị H đã trưởng thành, phát triển bình thường, nên ông không có yêu cầu Tòa án giải quyết. Còn cháu Nguyễn Văn N mà bà Nguyễn Thị X có nguyện vọng chăm sóc nuôi dưỡng cháu Nguyễn Văn Nhân và không yêu cầu ông cấp dưỡng nuôi con thì ông cũng đồng ý.

- Về chia tài sản chung và nợ: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung và nợ.

Ngoài các ý kiến trên ông Nguyễn Văn C không có thêm bất cứ ý kiến hay yêu

cầu gì thêm. Nay vì điều kiện hoàn cảnh, nên ông không thể về tham gia giải quyết việc ly hôn được, vì vậy ông xin phép được vắng mặt toàn bộ trong quá trình giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật về mặt thủ tục tố tụng. Còn về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử cho bà Nguyễn Thị X được ly hôn ông Nguyễn Văn C; về con cái thì 02 cháu đầu đã thành niên và không có yêu cầu, nên không xem xét; còn cháu Nguyễn Văn N thì giao cho bà Nguyễn Thị X Trực tiếp nuôi dưỡng, tạm hoãn cấp dưỡng nuôi con cho ông Nguyễn Văn C; còn tài sản không có yêu cầu nên không xem xét. Bà Nguyễn Thị X phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có tại hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập bị đơn để công khai chứng cứ và hòa giải, song do ông Nguyễn Văn C vắng mặt, cho nên không thể thực hiện việc hòa giải và công khai chứng cứ. Tại phiên tòa hôm nay bị đơn đã được tống đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử hợp lệ nhưng vắng mặt và có đơn xin xử vắng mặt; cho nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử bình thường theo quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Cuộc hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị X và ông Nguyễn Văn C được xác lập trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 15/5/1997 tại UBND xã Đà Sơn, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An. Sau khi kết hôn hai vợ chồng sống tại xã PT, huyện Thanh Chương, tình cảm vợ chồng sau khi cưới bình thường; đến đầu năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp nhau, nên bà Nguyễn Thị X đã sống ly thân và chuyển đến xã TM, huyện Thanh Chương sinh sống từ đó cho đến nay. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã triệu tập để công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng bà Nguyễn Thị X vẫn nhất quyết xin ly hôn; ông Nguyễn Văn C vắng mặt, nhưng trong đơn xin xử vắng mặt, ông cũng nhất trí ly hôn. Điều đó chứng tỏ tình trạng vợ chồng đã thực sự trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài, việc xin ly hôn của bà Nguyễn Thị X, là hoàn toàn phù hợp với Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình, nên chấp nhận cho bà Nguyễn Thị X được ly hôn ông Nguyễn Văn C.

[3] Về trách nhiệm nuôi con: Vợ chồng có 03 con chung tên là Nguyễn Văn Q, sinh ngày 04/9/2000; Nguyễn Thị H, sinh ngày 16/8/2002 và Nguyễn Văn N, sinh ngày 16/4/2007. Hai cháu đầu đã thành niên và không có yêu cầu gì; còn cháu Nguyễn Văn N bà Nguyễn Thị X có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng và ông Nguyễn Văn C cũng đồng ý, phù hợp với nguyện vọng của cháu Nguyễn Văn N, cho nên giao cho bà Nguyễn Thị X trực tiếp nuôi dưỡng, là hoàn toàn phù hợp với Điều 81; 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình

[4] Về chia tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Tòa án không xem xét giải quyết về phần tài sản.

[5] Về án phí: Bà Nguyễn Thị X phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên ;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28; Điều 147; 227 Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 51; 56; 81; 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình. Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. *Về hôn nhân*: Cho bà Nguyễn Thị X được ly hôn ông Nguyễn Văn C

2. *Về trách nhiệm nuôi con*:

Cháu Nguyễn Văn Q, sinh ngày 04/9/2000 và Nguyễn Thị H, sinh ngày 16/8/2002 đã thành niên và không có yêu cầu, nên không xem xét.

Giao cho bà Nguyễn Thị X trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Văn N, sinh ngày 16/4/2007.

Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho ông Nguyễn Văn C.

Ông Nguyễn Văn C, có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. *Về chia tài sản chung*: Tòa án không xem xét.

4. Trường hợp bản án, được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án

dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. *Về án phí*: Bà Nguyễn Thị X, phải chịu: 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) tiền án phí xin ly hôn. Bà Nguyễn Thị X, được trừ đi 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0009015 ngày 17/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An.

6. Nguyên đơn có quyền kháng cáo lên Tòa án cấp trên trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn có quyền kháng cáo lên Tòa án cấp trên trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc niêm yết công khai.

Nơi nhận :
- TAND tỉnh Nghệ An
- VKS huyện Thanh Chương
- Chi cục THA dân sự
- Các đương sự
- UBND xã Đà Sơn, huyện Đô Lương
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Trọng Sơn